

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI HUYỆN NINH HẢI,
TỈNH NINH THUẬN ĐẾN NĂM 2040**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

a) Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch xây dựng các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/11/2020.

b) Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Ninh Hải quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Ninh Hải, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

Điều 2. Mục tiêu quản lý theo đồ án quy hoạch

Nhằm quản lý và khai thác các lợi thế của địa phương, tổ chức hiệu quả quỹ đất phù hợp với điều kiện thực tế của huyện Ninh Hải gắn với sự phát triển chung của tỉnh Ninh Thuận.

Phục vụ công tác quản lý xây dựng, đầu tư xây dựng và định hướng phát triển theo quy hoạch.

Điều 3. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 được lập trên cơ sở đồ án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Phần II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN ĐẾN NĂM 2040

Điều 4. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

Phạm vi vùng quản lý: toàn bộ ranh giới huyện Ninh Hải, diện tích tự nhiên là 253,58 km², bao gồm thị trấn Khánh Hải và 8 xã (Tân Hải, Hộ Hải, Xuân Hải, Phương Hải, Tri Hải, Nhơn Hải, Vĩnh Hải, Thanh Hải). Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp : huyện Thuận Bắc.
- Phía Tây Nam giáp : thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- Phía Tây giáp : huyện Bác Ái.
- Phía Đông và Nam giáp : biển Đông.

2. Quy mô dân số toàn huyện:

- Dự kiến năm 2020: Khoảng 95.000 – 100.000 người.
- Dự kiến đến năm 2025: Khoảng 105.000 – 110.000 người.
- Dự kiến đến năm 2030: Khoảng 110.000 – 120.000 người.
- Dự kiến đến năm 2040: Khoảng 130.000 – 140.000 người.

3. Quy mô dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hóa:

a) Dự báo tỷ lệ đô thị hóa:

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa của Ninh Hải năm 2020 là 18-20%, đến năm 2025 là 35-42%, năm 2030 là 50-56% và năm 2040 là 60-65%.

b) Dự báo dân số đô thị:

- Năm 2020: Khoảng 18.000 – 20.000 người.
- Đến năm 2025: Khoảng 40.000 – 45.000 người.
- Đến năm 2030: Khoảng 60.000 – 65.000 người.
- Đến năm 2040: Khoảng 85.000 – 90.000 người.

c) Dự báo dân số nông thôn:

- Năm 2020: Khoảng 75.000 – 80.000 người.
- Đến năm 2025: Khoảng 60.000 – 65.000 người.
- Đến năm 2030: Khoảng 50.000 – 55.000 người.
- Đến năm 2040: Khoảng 45.000 - 50.000 người.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

- Đất xây dựng đô thị: năm 2020 khoảng 250 ha, đến năm 2025 khoảng 500 – 700 ha, đến năm 2030 khoảng 1.000 – 1.200 ha, đến năm 2040 khoảng 2.000 – 2.300 ha.

- Đất các khu du lịch, danh lam, thắng cảnh: năm 2020 khoảng 120 - 150ha, đến năm 2025 khoảng 200 – 300 ha, đến năm 2030 khoảng 500 - 700 ha, đến năm 2040 khoảng 900 – 1.000 ha.

- Đất công nghiệp tập trung: đến năm 2025 khoảng 10 ha, năm 2030 khoảng 30 ha, năm 2040 khoảng 40 ha, tăng tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Đất xây dựng khu dân cư nông thôn: năm 2020 khoảng 720 - 750 ha, đến năm 2025 khoảng 750 - 760 ha, đến năm 2030 khoảng 760 - 770 ha, đến năm 2040 khoảng 770 - 800 ha.

Điều 5. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

a) Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020.

b) Vùng phát triển công nghiệp tập trung Tri Hải - Nhơn Hải: hình thành cụm công nghiệp Tri Hải (xã Tri Hải) quy mô khoảng 40 ha với các ngành công nghiệp chính: chế biến thực phẩm (nông sản, thủy sản đông lạnh, đồ hộp, nước mắm, rượu vang nho, sản phẩm từ nho, táo, rong biển,...), sản phẩm sau muối và hóa chất sau muối, dược mỹ phẩm, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng,... Các nhà máy, xí nghiệp hiện hữu như các nhà máy xi măng, gạch tuy nèn, đóng tàu Khánh Hội, sản xuất gạch block, khai thác đá granit ở Tri Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải,...

c) Tiểu thủ công nghiệp: phát triển làng nghề Thủ công mỹ nghệ từ hạt cây rừng thôn Cầu Gãy (Vĩnh Hải), sản xuất và chế biến thuốc Nam ở Xuân Hải. Xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm đặc thù: thủ công mỹ nghệ, thuốc nam, chế biến nông, thủy sản. Mở rộng quy mô cơ sở TTCN tại các xã như : xay xát lương thực, sấy nông sản, chế biến thực phẩm, mộc dân dụng, cơ khí sửa chữa, may mặc, giày dép,...

d) Cụm công nghiệp được quản lý phù hợp với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp

a) Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp phù hợp với Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017, Quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020.

b) Định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới; chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành để nâng cao hiệu quả sản xuất; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tập trung chuyển đổi sang các loại cây trồng có giá trị hàng hóa cao, thích nghi với nắng hạn, biến đổi khí hậu, nâng cao trình độ lao động nông nghiệp. Phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững, gắn với du lịch, khai thác lợi thế về kinh tế biển, khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá. Phối hợp với ngành du lịch để phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong quá trình sản xuất và sau sản xuất như sơ chế, đóng gói, bảo quản, phân phối,....

c) Vùng không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện:

c.1. Vùng nông nghiệp:

- Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp ở một số khu vực để trồng loại cây đặc hữu của địa phương như nho, táo, tỏi, măng tây xanh, nha đam,.... Chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả, thiếu nước tưới sang mô hình cây trồng cận thích nghi với hạn. Quy hoạch vùng trồng măng tây xanh ở thôn An Nhơn xã Xuân Hải, vùng trồng lúa giáp ranh sân bay Thành Sơn (xã Xuân Hải) thành vùng trồng cây nho, táo,...., vùng phía Bắc xã Tri Hải (giáp huyện Thuận Bắc) thành vùng trồng cây hàng năm (rau, đậu,...). Diện tích lúa còn lại quy hoạch thành vùng trồng lúa chất lượng cao ở xã Xuân Hải, Hộ Hải, Phương Hải, Tân Hải.

- Vùng trồng rau chuyên canh tập trung ở xã Hộ Hải, Xuân Hải, Nhơn Hải. Vùng trồng nho ở thị trấn Khánh Hải, xã Vĩnh Hải cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; vùng trồng hoa màu, táo,... ở Nhơn Hải, Vĩnh Hải. Vùng trồng tỏi, hành ở Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải. Quy hoạch vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao: vùng sản xuất rau Nhơn Hải, vùng sản xuất nho Vĩnh Hải gắn với phát triển du lịch nông nghiệp.

- Phát triển chăn nuôi (dê, cừu, heo, bò,...) theo mô hình trang trại, hộ gia đình gắn với quy hoạch đồng cỏ ở Xuân Hải, Nhơn Hải và hoạt động du lịch.

c.2. Vùng lâm nghiệp:

- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Núi Chúa, phát triển rừng với du lịch sinh thái dưới tán rừng. Bảo vệ rừng, nâng cao độ che phủ rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng các biện pháp khoanh nuôi tái sinh

và trồng mới. Trồng rừng gắn với tạo sinh kế dưới tán rừng nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện cuộc sống của người dân nhận rừng khoán quản. Nạo vét, tăng diện tích trồng rừng ngập mặn ở Đầm Nại để bảo vệ hệ sinh thái.

- Phát triển vùng trồng dược liệu (xen canh dưới tán rừng) tại vùng đệm của Vườn Quốc gia Núi Chúa. Từng bước hình thành vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu.

c.3. Vùng thủy sản:

- Vùng nuôi mặn, lợ: nuôi trồng thủy sản ở Đầm Nại (tôm sú, tôm chân trắng, các đối tượng hải đặc sản, trồng rong sụn, rong nho). Phát triển mô hình nuôi thủy sản sinh thái kết hợp với trồng rừng ngập mặn trong ao nuôi.

- Vùng nuôi khơi: tập trung tại xã Nhơn Hải, Thanh Hải, chủ yếu là tôm giống và nuôi tôm thương phẩm. Phát triển nuôi lồng bè trên biển với công nghệ nuôi hiện đại nhằm giảm sức tải môi trường. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển nghề nuôi trồng thủy sản và mỹ quan để phát triển du lịch biển; bảo tồn san hô tại khu vực, giải quyết các vấn đề về môi trường.

- Sản xuất giống thủy sản: vùng sản xuất giống tập trung Nhơn Hải, hướng đến sản xuất tôm giống bố mẹ. Ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản.

- Đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ, ổn định khai thác ven bờ. Phát triển cơ sở hạ tầng nghề cá, nâng cấp cảng cá Ninh Chữ thành khu neo đậu tàu thuyền an toàn khu vực Miền Trung, bến cá Mỹ Tân thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá khu vực phía Bắc của tỉnh.

c.4. Vùng làm muối:

- Ổn định diện tích đất làm muối hiện có, khoảng 1.500 – 1600 ha, ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng muối. Quy hoạch dự án khu kinh tế muối công nghiệp và xuất khẩu Bắc Tri Hải – Nhơn Hải. Chuyển đổi một phần đất chưa sử dụng ven chân núi Quýt thành đất làm muối. Thí điểm dự án nuôi Artemia kết hợp trên ruộng muối, cung cấp cho thị trường nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống, là hướng phát triển bền vững cho nghề làm muối.

d) Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn:

- Quy hoạch 02 Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn tại khu vực xã Xuân Hải và Tri Hải, thuận lợi về giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, vùng sản xuất nông nghiệp, kết nối với quốc lộ 1, ĐT.702, ĐT.704, cảng biển Ninh Chữ, cụm công nghiệp Tri Hải,...Đảm bảo các nội dung: cung cấp trang thiết bị, vật tư, giống phục vụ nông nghiệp, các dịch vụ sau thu hoạch, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và phân phối sản phẩm.

- Mục tiêu: nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp; là nơi tập kết và bao tiêu nông sản cho

huyện Ninh Hải và khu vực lân cận, tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn huyện. Nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của nông sản, xây dựng thương hiệu nông sản địa phương, liên kết và hợp tác để đảm bảo lợi ích cho nông dân.

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

a) Thương mại dịch vụ:

- Định hướng vùng và không gian phát triển thương mại dịch vụ phù hợp với Kế hoạch đầu tư phát triển mạng lưới chợ giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 720/KH-UBND ngày 28/02/2019.

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng: xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại thị trấn Khánh Hải, trung tâm thương mại ở khu đô thị ven Đầm Nai. Xây dựng chợ đầu mối tổng hợp tại Khánh Hải, quy mô chợ hạng I. Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thương mại dịch vụ tại các đô thị.

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp tiểu vùng: xây dựng trung tâm thương mại ở đô thị Thanh Hải. Đề xuất nâng quy mô chợ xã Xuân Hải thành chợ cụm xã Tân Hải – Xuân Hải – Hộ Hải đạt hạng II (xây mới).

- Chợ trung tâm xã: nâng cấp chợ Khánh Nhơn (xã Nhơn Hải), chợ Phước Nhơn (xã Xuân Hải), chợ Lương Cách (xã Hộ Hải) quy mô hạng III. Xây mới chợ Nhơn Hải đảm bảo tiêu chí phục vụ cho đô thị Thanh Hải dự kiến. Phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, thúc đẩy hoạt động dịch vụ nông thôn gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Tại các khu du lịch tập trung phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đặc trưng phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch như khu ẩm thực, mua sắm, khu bán hàng ban đêm, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm thương hiệu, truyền thống của huyện và tỉnh gắn liền với các điểm, tuyến, khu du lịch đã quy hoạch.

b) Du lịch:

- Định hướng phát triển ngành du lịch trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành du lịch tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 02/10/2013. Tăng cường liên kết với vùng Duyên hải Nam Trung bộ, vùng Tây Nguyên, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng có tiềm năng khác trên cả nước. Xác định huyện Ninh Hải là vùng trọng điểm du lịch cấp quốc gia, đặc biệt là du lịch cao cấp. Ngành du lịch đóng vai trò trọng tâm, thu hút và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

- Khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh, cảnh quan, môi trường, phát triển du lịch bền vững, đồng thời gắn với ngành công nghiệp, TTCN, nông nghiệp, phát huy giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trong phục vụ du lịch. Phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn thúc đẩy phong trào xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Hướng tới phát triển du lịch thông minh, là một trong những trụ cột để đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn về chiều sâu và chiều rộng. Hình thành hệ sinh thái du lịch và tạo lợi ích tương hỗ giữa các đối tượng du khách, cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân; thúc đẩy phát triển du lịch bền vững của huyện Ninh Hải và tỉnh Ninh Thuận.

- Trên địa bàn huyện tập trung phát triển các sản phẩm du lịch chính, có tính cạnh tranh cao, đặc trưng mang thương hiệu du lịch Ninh Hải như: du lịch nghỉ dưỡng biển, thể thao biển (trung tâm lướt ván điều Quốc tế, đua thuyền buồm, dù bay,...), lặn biển ngắm san hô, du lịch thuyền buồm,... ; du lịch sinh thái vườn quốc gia Núi Chúa, Đầm Nại; du lịch nông nghiệp; du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh; du lịch mạo hiểm.

Điều 6. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện đảm bảo đạt các tiêu chí của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.

- Năm 2020: có 1 đô thị, là thị trấn Khánh Hải – đô thị loại V.

- Đến năm 2025 - 2030: có 2 đô thị loại V bao gồm thị trấn Khánh Hải mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại và đô thị Thanh Hải.

- Đến năm 2040: có 2 đô thị, trong đó 01 đô thị loại IV (thị trấn Khánh Hải mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại), 01 đô thị loại V (đô thị Thanh Hải).

b) Đô thị trung tâm vùng huyện: Thị trấn Khánh Hải đến năm 2025 mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại, đến năm 2040 đạt tiêu chí đô thị loại IV. Là trung tâm hành chính của huyện Ninh Hải; trung tâm kinh tế biển, du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với Đầm Nại, là đô thị vệ tinh liền kề của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Phạm vi bao gồm ranh giới thị trấn Khánh Hải và một phần các xã Hộ Hải, Tân Hải, Phương Hải, Tri Hải.

c) Đô thị trung tâm tiểu vùng: Đô thị Thanh Hải là đô thị loại V, trung tâm vùng phía Đông Nam của huyện, trung tâm thương mại dịch vụ và du lịch cấp vùng; trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá khu vực phía Bắc, trung tâm công nghệ biển của tỉnh; có vai trò quan trọng về An ninh Quốc phòng. Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh

giới xã Thanh Hải, một phần xã Nhơn Hải và Vĩnh Hải.

d) Phát triển các đô thị theo hướng đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Quy định về quản lý các xã nông thôn

a) Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”. Phần đầu là huyện nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh và cả nước trong thời gian tới.

b) Năm 2020: 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thiện Tiêu chí 6 (Sản xuất) đảm bảo Ninh Hải đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020. Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu.

c) Đến năm 2025: phát triển giai đoạn đầu khu đô thị ven Đầm Nại (đô thị hóa khu vực xã Hộ Hải dọc quốc lộ 1) và bước đầu hình thành đô thị Thanh Hải. Phát triển khu vực Vĩnh Hy thành khu dân cư, dịch vụ du lịch, tạo động lực phát triển du lịch phía Bắc tỉnh Ninh Thuận. Hình thành trung tâm cụm xã Xuân Hải với các xã trong cụm là Hộ Hải, Tân Hải, Xuân Hải.

d) Đến năm 2030: phát triển mạnh đô thị Thanh Hải và thị trấn Khánh Hải mở rộng đến khu đô thị ven Đầm Nại (đô thị hóa một phần xã Tân Hải, Phương Hải, Tri Hải). Phát triển khu vực Vĩnh Hy với các tiêu chí đô thị đặc thù phục vụ du lịch. Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu, hình thành và phát triển các khu dân cư mới, khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển các loại hình nhà ở nông thôn gắn với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở nông thôn gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, gắn với các vùng chuyên canh,... phù hợp với nhu cầu về nhà ở và phát triển kinh tế hộ gia đình.

e) Đến năm 2040: Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng các khu dân cư. Phát triển mạnh khu vực Vĩnh Hy đáp ứng tiêu chí đô thị loại V. Là tiền đề để hình thành đô thị du lịch Vĩnh Hy sau năm 2040, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận.

Điều 7. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

a) Quy định về trung tâm hành chính:

- Trung tâm hành chính huyện Ninh Hải tại thị trấn Khánh Hải là trung tâm hành chính cấp huyện, có quy mô xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của huyện.

- Trung tâm hành chính đô thị được đầu tư xây dựng tại đô thị Thanh Hải. Trung tâm hành chính các xã được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của các xã và huyện Ninh Hải.

b) Quy định đối với mạng lưới công trình y tế:

- Xây dựng mạng lưới công trình y tế hiện đại, hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả và phát triển toàn diện, đặc biệt tại các đô thị, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, đa dạng của nhân dân trong huyện và vùng phụ cận.

- Phát triển y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế ngoài công lập, xã hội hóa ngành y tế với các dịch vụ đa dạng, chất lượng cao. Mở rộng các hình thức chăm sóc sức khỏe tại nhà.

- Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện tại Khánh Hải. Xây dựng mới các bệnh viện chuyên khoa tại thị trấn Khánh Hải, đô thị Thanh Hải để đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân khi dân số tăng cao. Khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư các công trình y tế hiện đại, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, nhu cầu khám chữa bệnh chất lượng cao.

c) Quy định đối với mạng lưới văn hóa, thể thao:

- Phát triển mạng lưới công trình văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành văn hóa tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 đã được phê duyệt.

- Trung tâm văn hóa, TDTT cấp vùng: Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện, sân vận động huyện, hồ bơi, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao đa năng, Hội trường đa năng 400 chỗ tại thị trấn Khánh Hải.

- Trung tâm văn hóa – TDTT cấp tiểu vùng: Xây dựng Trung tâm văn hóa – thể thao, thư viện tại đô thị Thanh Hải.

- Hoàn thiện các thiết chế văn hóa – thể thao cấp xã. Bảo tồn và phát triển các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc.

d) Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục:

- Xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu thế nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện và tỉnh. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng trường học chất lượng cao ở các cấp học.

- Trung tâm cấp vùng tỉnh: Xây dựng Làng đại học tập trung của tỉnh tại khu

vực trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Thuận hiện hữu (Khánh Hải); trong đó có Viện Nghiên cứu nông nghiệp tại Trường Đại học Nông lâm.

- Trung tâm cấp vùng huyện: hình thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tại thị trấn Khánh Hải. Xây dựng Trường THCS Thanh Hải, trường chất lượng cao tại thị trấn Khánh Hải. Nâng cấp tất cả các trường trên địa bàn (cơ sở vật chất) để đạt chuẩn quốc gia.

e) Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn:

- Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn phù hợp với xu hướng mới, phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 và định hướng phát triển nhà ở trong những năm tiếp theo.

- Khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng xanh góp phần tiết kiệm tài nguyên không tái tạo, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tại khu vực đô thị: phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch. Xây dựng chương trình phát triển nhà ở và kế hoạch phát triển nhà ở theo hướng đồng bộ, hiện đại, khuyến khích xây dựng nhà chung cư cao tầng; đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng nhà ở xã hội theo quy định.

- Tại khu vực nông thôn: phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, hiện đại và giàu bản sắc.

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

a) Quy định quản lý cao độ nền:

- Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng vùng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Đối với các đô thị: Cao độ khống chế nền xây dựng phải đảm bảo không bị ngập lụt, giữ được cảnh quan thiên nhiên, hạn chế đào đắp và tạo địa hình thoát nước tốt cho đô thị. Tại các khu vực phát triển đô thị, công nghiệp: chọn cao độ khống chế Hxd >3m để đảm bảo không bị ảnh hưởng của triều biển Đông và biến đổi khí hậu.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn:

- + Khu vực có địa hình thấp cần phải tôn nền chống ngập nhưng chủ yếu là san đắp cục bộ khu vực xây dựng. Khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ. Khu vực địa hình có độ dốc cao, đất xây dựng ít thuận lợi cần có mật độ xây dựng thấp và thiết kế kiến trúc gắn với địa hình, tránh san lấp tạo mặt bằng để hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên.

- + Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Không lấp kênh, suối, vùng trũng,

cần tạo hồ chứa nước vào mùa lũ, chống hạn vào mùa khô.

- Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ quốc gia, xây dựng hoàn thiện hệ thống cao độ Quốc gia hạng IV tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, phục vụ công tác quản lý và đầu tư xây dựng.

b) Quy định đối với công trình giao thông:

- Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 đã được phê duyệt và Quy hoạch phát triển ngành Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 02/07/2013; Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển ngành Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, nâng cấp, mở rộng đường ĐT.702, ĐT.704 kết nối Cảng biển Ninh Chữ với Quốc lộ 1, đường ĐT. 704 nối dài, đường ĐT.705. Xây dựng đường vành đai phía Bắc TP. Phan Rang – Tháp Chàm trên cơ sở nâng cấp và xây dựng mới các đoạn đường đi qua huyện Ninh Hải, Thuận Bắc nhằm liên kết, khai thác quỹ đất sản xuất kém hiệu quả hai bên trục đường để phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ. Các tuyến đường huyện được đầu tư nâng cấp mở rộng và xây dựng mới đạt tiêu chuẩn cấp IV, V đồng bằng. Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường liên xã, đường xã đảm bảo 100% đường xã đạt tối thiểu loại A – GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp VI.

- Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường đô thị theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt. Nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường huyện, đường xã thành đường đô thị: ĐH.12 (Bình Nghĩa – Mỹ Tân), ĐH.16, đường ven núi Cà Đú, đường ven Đầm Nại,...Đồng bộ hóa các tuyến trục giao thông, nút giao thông gắn với chính trang đô thị, hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình đầu mối giao thông bến xe. Xây dựng mới cầu Tri Thủy.

- Nâng cấp đường sắt Bắc - Nam hiện hữu. Xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng cảng biển Ninh Chữ, cảng chuyên dụng phục vụ du lịch khu vực Bình Tiên – Vĩnh Hy, Bình Sơn – Ninh Chữ. Cảng Vĩnh Hy chủ yếu phục vụ du lịch, tiếp nhận tàu 10.000 T. Nâng cấp cảng cá Mỹ Tân thành trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá khu vực phía Bắc của tỉnh. Xây dựng bến tàu du lịch tại Hòn Đỏ và Hòn Chông, là các bến du thuyền phục vụ phát triển du lịch cao cấp.

c) Quy định đối với công trình cấp nước:

- Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt, hạn chế khai thác nguồn nước ngầm. Hiện nay nguồn nước mặt sử dụng hệ thống thủy lợi Đập Nha Trinh, hệ thống sông suối trong khu vực, các ao hồ,.... Dự kiến trong thời gian đến sẽ bổ sung sử dụng nguồn nước từ hệ thống thủy lợi Tân Mỹ cung cấp cho nước sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp, du lịch và dịch vụ khác từ nguồn nước trên địa bàn huyện.

- Hệ thống hồ chứa, ao chứa như: hồ Thành Sơn, hồ Nước Ngọt, hồ Ông Kinh, ao Đá Bàn, ao Bầu Chùa, ao Bầu Tró,.... và hệ thống sông suối, đập dâng như: suối Đồng Nha, suối Nước Ngọt, đập dâng: Cây Sung, bà Rợ, Đồng Nha, Đồng Nhông,.... để cung cấp nước cho sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, du lịch và dịch vụ khác.

- Đối với nhà máy cấp nước Ninh Thuận (trụ sở chính đặt tại TP. Phan Rang – Tháp Chàm) hiện hữu và mở rộng, sau khi xử lý dẫn về cấp cho thị trấn Khánh Hải, đô thị Thanh Hải, khu đô thị ven Đầm Nai, dân cư các xã lân cận, khu du lịch, sản xuất công nghiệp – TTCN.

- Đối với hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn như: hệ thống cấp nước Mỹ Tường, hệ thống cấp nước Cầu Gãy và hệ thống Bình Nghĩa để bổ sung cho khu vực Nhơn Hải, Thanh Hải,... Khi có tuyến ống cấp nước sạch dẫn nước từ nhà máy nước Phan Rang – Tháp Chàm dẫn về đi qua các khu vực trạm cấp nước nông thôn thì sẽ chuyển đổi các trạm cấp nước nông thôn thành trạm bơm tăng áp lấy nguồn từ mạng lưới chung.

d) Quy định đối với công trình cấp điện:

- Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần I : Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110KV tại Quyết định số 667/QĐ-BCT ngày 01/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương; Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Hợp phần II : Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV tại Quyết định số 1123/QĐ-BCT ngày 06/07/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đầu tư các công trình cấp điện gồm:

+ Trạm biến thế 220, 110kV: Trạm Tháp Chàm 2 220/110kV sẽ nâng lên 2x250MVA (năm 2025); Trạm Ninh Hải 110/22kV sẽ nâng lên 2x40MVA (giai đoạn 2031-2035). Xây dựng mới trạm Mỹ Phong 110/22kV công suất 1x40MVA (năm 2019) và 2x40MVA (năm 2024).

+ Xây dựng tuyến 220kV Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Nha Trang.

+ Xây dựng tuyến 110kV: Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Ninh Phước, Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Ninh Hải – Mỹ Phong.

- Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, biogas,... Xây dựng hoàn chỉnh giai đoạn 2 nhà máy điện gió Đầm Nại (40MVA) thuộc địa bàn huyện Ninh Hải và Thuận Bắc, đầu tư dự án nhà máy điện gió Hanbaram (32,3MW). Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Solar Farm Nhơn Hải công suất 35 MWp trong năm 2020 – 2021.

- Khu vực ven biển tỉnh Ninh Thuận dự kiến sẽ xây dựng các nhà máy điện gió có công suất lớn, gồm 3 vùng : Vùng 1, 2 và 3. Trong đó Vùng 1 tính từ mũi Đá Vách đến Hòn Đỏ thuộc huyện Ninh Hải, gồm 5 vị trí từ V1-1 đến V1-5, với diện tích 21.565ha, tiềm năng công suất 1.370MW. Để kết nối các nhà máy điện gió thuộc Vùng 1 vào lưới điện quốc gia, dự kiến xây dựng một trạm nâng áp 33/500kV tại ven biển thuộc xã Nhơn Hải, từ trạm này xây dựng tuyến 500kV đấu nối vào trạm 500/220kV Ninh Sơn dự kiến.

- Hệ thống lưới điện 110kV và 22kV đáp ứng yêu cầu cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhu cầu sử dụng điện trên toàn huyện.

e) Quy định đối với công trình thông tin:

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 25/11/2014. Đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông, cấp quang đến 110% xã, thị trấn.

- Hệ thống chuyển mạch: đến năm 2030 nâng cấp hệ thống cáp quang đến trung tâm các xã, thôn hiện có. Giai đoạn 2030 – 2040 phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ. Đến năm 2040 xây dựng tuyến cáp quang đến 100% các hộ dân thuê bao.

- Hệ thống mạng ngoại vi:

+ Tại những khu vực chưa đủ điều kiện thực hiện ngầm hóa, tiến hành cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (buộc gọn hệ thống dây cáp,...). Đồng thời từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu. Tại những khu vực xây dựng mới hạ tầng mạng cáp ngoại vi (khu dân cư, khu đô thị mới, tuyến đường mới xây dựng...) thực hiện ngầm hóa toàn bộ hạ tầng mạng cáp ngoại vi.

+ Công nghệ thông tin: nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp để hoàn thiện Chính phủ điện tử. Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks - NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 4G, 5G được khuyến khích và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

f) Quy định đối với công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:

f.1. Công trình thoát nước thải:

- Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, công trình đầu mối thoát nước phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng, quy hoạch thoát nước được phê duyệt, theo hướng đồng bộ hiện đại gồm: trạm xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp,... hệ thống trạm bơm, hệ thống kênh mương thủy lợi.

- Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị:

+ Đối với thị trấn Khánh Hải đang sử dụng hệ thống công chung: xây dựng hệ thống thoát nước chung một nửa (có cống bao tách nước thải và trạm xử lý nước thải), các hố ga tách dòng để thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải. Xây dựng hệ thống nước thải riêng có trạm xử lý cho đô thị Thanh Hải và các khu vực xây dựng mới của thị trấn Khánh Hải, khu đô thị ven Đầm Nai.

+ Nước thải sinh hoạt tại các đô thị phải được xử lý đạt giới hạn theo QCVN14-2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường. Nước thải của bệnh viện, phòng khám đa khoa cần phải được xử lý đạt giới hạn B của TCVN 7222-2002 và khử trùng trước khi xả ra hệ thống công của đô thị.

- Thoát nước thải công nghiệp: xây dựng trạm xử lý nước thải công suất đến năm 2040 là 500 m³/ngđ nhằm thu gom và xử lý nước thải cho cụm công nghiệp Tri Hải. Nước thải ở cụm công nghiệp phải được xử lý đạt loại A của QCVN40-2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn. Nước thải của xí nghiệp, nhà máy có mức độ độc hại cao cần phải xử lý sơ bộ đến tiêu chuẩn cho phép trước khi xử lý tập trung.

- Thoát nước thải dân cư nông thôn: khu vực Vĩnh Hy, các cụm dân cư nông thôn tập trung, khu du lịch xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, xử lý bằng hồ sinh học tự nhiên.

f.2. Công trình xử lý rác thải:

- Đầu tư xây dựng khu xử lý CTR huyện Ninh Hải quy mô 20ha tại eo núi Hòn Nhọn - Hòn Ngang (xã Nhơn Hải), phục vụ cho các đô thị, cụm công nghiệp, các khu du lịch, chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh và chế biến phân vi sinh.

- Xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh quy mô 10 - 20 ha dùng cho khu vực Vĩnh Hy và các cụm dân cư xã. Các trung tâm xã bố trí các khu chôn lấp hợp vệ sinh quy mô 10-20ha.

f.3. Nghĩa trang:

- Đầu tư xây dựng nghĩa trang tuân thủ theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/04/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân cấp quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Nghĩa trang cấp vùng huyện: có công nghệ hỏa táng phục vụ cho toàn vùng huyện khi có nhu cầu.

+ Nâng cấp các nghĩa trang hiện hữu: nghĩa trang Đào Viên (thị trấn Khánh

Hải) quy mô 12,3 ha, nghĩa trang Yên Bình (xã Tri Hải) quy mô 16,17 ha, nghĩa trang núi Ông Thuận (xã Nhơn Hải) quy mô 16,47 ha. Phục vụ cho thị trấn Khánh Hải, đô thị Thanh Hải và các xã xung quanh (có khoảng cách phù hợp).

+ Mở rộng nghĩa trang An Xuân (xã Xuân Hải) quy mô 17,8 ha, phục vụ cho xã Xuân Hải và các xã xung quanh. Xây dựng nghĩa trang Đồng Tròn (xã Vĩnh Hải) quy mô 6,4 ha, phục vụ cho xã Vĩnh Hải và các khu vực lân cận.

- Tại các cụm dân cư tập trung xây dựng các nghĩa trang riêng phù hợp với quy mô dân số và không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Điều 8. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng huyện, liên vùng huyện và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

a) Quy định chung:

- Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 18 – 25%.

- Phát triển các công trình giao thông trọng điểm, tăng diện tích giao thông tĩnh.

- Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện với môi trường.

b) Đường bộ:

b.1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-4:201/BXD – Công trình giao thông.

b.2. Đối với đường ngoài đô thị:

- Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008; Văn bản số 13/VBHN-BGTVT ngày 28/12/2018 hợp nhất văn bản Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, 64/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 125/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2018).

b.3. Đối với đường đô thị:

- Tuân thủ đúng các chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

b.4. Đối với giao thông nông thôn:

- Cần kiểm soát chặt chẽ trong quá trình đầu tư xây dựng theo Quy chuẩn xây

dụng Việt Nam hiện hành, Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

c) Đường sắt:

- Thực hiện quản lý, xác định hành lang bảo vệ tuyến và công trình đường sắt phải tuân thủ theo các quy định của Luật đường sắt số 06/2017/QH14; Nghị định số 65/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt.

- Tuyến đường sắt cao tốc Bắc – Nam: căn cứ hướng tuyến, quy mô đường theo quy hoạch, khảo sát, lập mặt bằng tuyến; xác định mốc giới phân đất dành cho đường sắt và hành lang an toàn làm cơ sở để quản lý, dành quỹ đất xây dựng đường và định hướng phát triển.

- Nhà ở đô thị phải cách tim đường ray gần nhất $\geq 20m$. Đường sắt đi dưới hào, khoảng cách ly có thể giảm xuống nhưng phải đảm bảo $\geq 10m$, tối thiểu 50% bề rộng dải cách ly phải trồng cây xanh.

d) Đường thủy: phạm vi bảo vệ tuyến và các công trình đường thủy phải tuân thủ các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11; Nghị định số 24/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; nghị định của chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải; Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/05/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thủy lợi

Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/06/2017, Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Quyết định số 87/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 ban hành quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện tuân thủ theo Quyết định số 87/2018/QĐ-UBND và Phụ lục I (khu vực huyện Ninh Hải).

+ Phạm vi bảo vệ hồ chứa nước từ chân đập trở ra tối thiểu 50m.

+ Phạm vi bảo vệ đối với đập dâng cấp IV, từ chân đập trở ra tối thiểu là 20m.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

Nguồn nước chính cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn

huyện là nguồn nước mặt. Hạn chế khai thác nguồn nước ngầm.

Thực hiện quản lý theo các quy định về bảo vệ nguồn nước, công trình đầu mối cấp nước phải thực hiện theo Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng, về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Các khu vực bảo vệ:

+ Khu vực I: Cấm xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, chất thải rắn, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản, sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây;

+ Khu vực II: nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường. Cấm đổ phân, rác, phế thải công nghiệp, hóa chất độc làm nhiễm bẩn nguồn nước và ô nhiễm môi trường.

- Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước mặt:

+ Khu vực bảo vệ cấp I cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 200m, phía hạ lưu tối thiểu 100m.

+ Khu vực bảo vệ cấp II cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 1000m, phía hạ lưu tối thiểu 250m.

+ Khu vực bảo vệ cấp I của hồ chứa, đập nước chuyên dùng để cấp nước sinh hoạt, từ mép hồ tối thiểu 100m đối với bờ hồ bằng phẳng, tối thiểu 300m đối với bờ hồ dốc.

+ Khu vực bảo vệ cấp II của hồ chứa, đập nước chuyên dùng để cấp nước sinh hoạt, là toàn lưu vực tính từ mép hồ.

+ Các chỉ tiêu giám sát thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08-MT:2015/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT). Trong đó các chỉ tiêu về vật lý, hóa, vi sinh, đặc biệt là các thành phần hợp chất ni-tơ, các nguyên tố độc hại như: arsen, thủy ngân, chì, đồng... cần giám sát chặt chẽ.

- Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước ngầm:

+ Cần chỉ định cơ quan quản lý thống nhất mạng lưới quan trắc nước ngầm về chất lượng và mực nước để phục vụ quản lý, kiểm soát nhiễm bẩn nước ngầm.

+ Các tầng chứa nước trong hệ thống nước ngầm có quan hệ với nhau, nên cần bảo vệ, chống nhiễm bẩn các tầng nước trong phân bố nước. Quản lý khai thác nước ngầm, đánh giá trữ lượng và vấn đề khai thác các giếng khoan mới, quy trình đào giếng, kiểm soát theo dõi giếng đang khai thác (thay đổi lưu lượng, mực nước tĩnh, chất lượng và các yếu tố ảnh hưởng...). Cần quản lý các cơ sở khoan khai thác nước dưới đất tư nhân không đủ các yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật,...

- Bảo vệ nguồn nước, công trình đầu mối và các tuyến ống truyền dẫn cấp nước chính:

+ Bảo vệ nguồn nước mặt khỏi các hoạt động khai thác khoáng sản, nạn phá rừng, tránh sử dụng kiệt về lưu lượng và suy thoái về chất lượng. Nước thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra biển, đầm, suối, kênh. Kiểm soát hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản nhằm tránh gây ô nhiễm nguồn nước.

+ Các nhà máy nước cần được xây dựng đảm bảo công suất thiết kế và chất lượng nước theo tiêu chuẩn.

+ Các công trình chính trong dây chuyền công nghệ xử lý nước phải bằng bê tông cốt thép, tuổi thọ công trình là 100 năm. Phải ưu tiên diện tích để bố trí các công trình chính theo hướng tự chảy từ công trình đầu tiên tới bể chứa nước sạch.

+ Các tuyến ống truyền dẫn nước chính: Các đô thị được cấp nước từ các tuyến ống truyền dẫn nước chính qua các điểm đầu mỗi cấp nước. Hạn chế tối đa điểm đầu nổi trên tuyến ống truyền dẫn để đảm bảo tuyến ống truyền dẫn hoạt động tốt.

+ Mạng lưới cấp nước đô thị: Mạng lưới cấp nước đô thị thiết kế mạng vòng. Đường ống cấp nước cần được thiết kế lắp đặt đảm bảo độ sâu chôn ống và đảm bảo khoảng cách an toàn đến các công trình và các đường ống xung quanh theo tiêu chuẩn ngành (TCXDVN 33-2006 và QCVN 07:2016/BXD).

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

a) Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực, đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành 6 lưu vực chính bao gồm:

- Lưu vực phía Bắc: thoát nước ra biển ở phía Bắc huyện.
- Lưu vực thoát nước ra vịnh Vĩnh Hy.
- Lưu vực cửa suối Nước Ngọt.
- Lưu vực thôn Thái An thoát ra biển Đông.
- Lưu vực hồ Ông Kinh.
- Lưu vực thoát về Đầm Nại.

b) Trong cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

c) Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Đối với thị trấn Khánh Hải đã có mạng lưới thoát nước ở khu trung tâm, cần cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước kín bằng cống tròn hoặc mương nắp đan, từng bước có các biện pháp tách dòng, cuối các miệng xả sẽ có hệ thống cống bao nước bản dẫn về trạm xử lý trước khi thoát ra đầm, biển. Các khu vực xây dựng mới, khu vực đô thị mở rộng, đô thị Thanh Hải, khu đô thị ven Đầm Nại, cụm công nghiệp, các khu du lịch cần xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn để đảm bảo vệ sinh môi trường.

d) Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nổi của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nổi tạm thời, khi có tuyến cống chính sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

e) Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước, đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua các đô thị.

f) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD – Công trình thoát nước.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

a) Nguồn điện cấp cho toàn huyện từ nguồn điện lưới quốc gia qua các trạm biến áp 220/100kV, 110/22kV và hệ thống truyền tải, phân phối.

b) Cải tạo và phát triển lưới điện trên địa bàn huyện phải đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và có dự phòng phát triển cho tương lai, đảm bảo tính hiện đại, độ tin cậy cao, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị; đặc biệt là dành quỹ đất xây dựng công trình điện. Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

c) Tuân thủ theo Văn bản hợp nhất Luật Điện lực số 03/VBHN-VPQH ngày 29/06/2018. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD – Công trình cấp điện.

d) Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD - Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

a) Quản lý chất thải rắn tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

b) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý

chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

8. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

a) Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/04/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân cấp quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD – Công trình nghĩa trang.

Điều 9. Quy định về bảo vệ môi trường

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về “quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường” được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; cải tạo cảnh quan khu vực ven biển, Đầm Nai, giảm nhẹ tác động do biến đổi khí hậu, thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

5. Các khu vực cấm xây dựng: Khu vực phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của Vườn quốc gia Núi Chúa, khu bảo tồn rùa biển Thái An (thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới); các khu vực núi cao có địa hình phức tạp, độ dốc lớn, các khu vực dễ xảy ra lũ quét, sạt lở, ngập lụt,... Khu bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, khu quân sự, an ninh quốc phòng, các khu vực phân bố khoáng sản, các khu vực dự trữ

khoáng sản quốc gia, hành lang an toàn giao thông, hành lang an toàn của các công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật

Điều 10. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng huyện

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh

a) Bảo tồn Vườn quốc gia Núi Chúa:

- Bảo tồn phát triển duy trì hệ sinh thái Vườn quốc gia Núi Chúa thuộc Khu dự trữ sinh quyển thế giới gắn với việc cho thuê môi trường rừng dựa trên các quy định cụ thể tại Luật Lâm nghiệp, Luật Du lịch, Luật Thủy sản,... Phát triển du lịch sinh thái, góp phần giải quyết việc làm, thu hút các nguồn lực đầu tư để bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Bảo tồn và phát triển tính đa dạng sinh học, bảo vệ khu bảo tồn rùa biển Thái An, nghiêm cấm các hành vi vi phạm pháp luật. Phát triển rừng phòng hộ, vùng đệm của Vườn quốc gia để bảo vệ môi trường, nguồn nước, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

- Khi triển khai các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ du lịch sinh thái, chủ đầu tư và các cơ quan tư vấn phải thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo các Nghị định của Chính phủ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

b) Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái ngập nước khu vực Đầm Nại:

- Tôn tạo, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái ven Đầm Nại phục vụ tiêu thoát nước, hành lang xanh, phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch.

c) Danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, cấp tỉnh:

- Danh lam thắng cảnh cấp quốc gia: Vịnh Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải được công nhận theo Quyết định số 44/QĐ-BVHTTDL ngày 7/1/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Danh lam thắng cảnh cấp tỉnh: Hang Rái (xã Vĩnh Hải).

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng

a) Quy định chung:

- Quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa theo Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/06/2009 và một số nghị định có liên quan như: Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định

thẩm quyền, trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa – danh lam thắng cảnh.

- Bảo tồn, tôn tạo nâng cấp các di tích văn hóa lịch sử, nghệ thuật, các công trình tôn giáo trên địa bàn huyện, là những nét văn hóa đặc sắc thu hút du khách đến với Ninh Hải.

- Lập quy hoạch, cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích. Cắm mốc giới di tích phải đảm bảo nguyên tắc phân định rõ ranh giới các khu vực bảo vệ di tích với khu vực bên ngoài theo biên bản khoanh vùng bảo vệ trong hồ sơ xếp hạng di tích.

- Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, hủy hoại đối với các công trình kiến trúc, điêu khắc của di tích. Đất đai thuộc di tích phải được quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, lấn, chiếm, mua bán, chuyển nhượng, hủy hoại đất đai thuộc di tích đã được khoanh vùng xếp hạng.

- Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di tích hoặc được giao quyền quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm quản lý đất đai thuộc di tích. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý và phối hợp với các bên liên quan quản lý tốt việc sử dụng đất đai thuộc di tích trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm về quản lý và sử dụng đất đai thuộc di tích theo các quy định của pháp luật.

b) Các di tích được xếp hạng cấp quốc gia:

- Đình Dur Khánh thị trấn Khánh Hải, đình Khánh Nhơn xã Nhơn Hải, Đình Tri Thủy xã Tri Hải. Ngoài ra Lễ hội Cầu Ngư của ngư dân vùng ven biển tỉnh Ninh Thuận được xếp hạng Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trong đó có các xã vùng ven biển của huyện Ninh Hải.

c) Các di tích được xếp hạng cấp tỉnh:

- Núi Cà Đú thị trấn Khánh Hải, chùa Kim Sơn xã Tri Hải, đình Mỹ Tường xã Nhơn Hải, núi Hòn Dò xã Nhơn Hải, chùa Thiên Tràng xã Nhơn Hải, miếu Mỹ Phong xã Thanh Hải, đình An Xuân xã Xuân Hải, đình Mỹ Phương xã Phương Hải, miếu Mỹ Ngọc xã Nhơn Hải, đình Ninh Chữ thị trấn Khánh Hải, đình Khánh Hội xã Tri Hải, Lăng thần Nam Hải Vĩnh Hy xã Vĩnh Hải, miếu Thanh Minh xã Nhơn Hải và Múa Náp tại Lăng thần Nam Hải thôn Mỹ Tân là di sản phi vật thể cấp tỉnh.

d) Bảo tồn, tôn tạo, gìn giữ, giáo dục và phát huy các giá trị lịch sử cách mạng của chiến khu ATK cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ xã An toàn khu, vùng An toàn khu cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ngoài ra còn có các công trình kiến trúc nổi tiếng, chủ yếu là các chùa, đình có kiến trúc đẹp, độc đáo thu hút khách du lịch như Thiền viện Trúc lâm Viên ngọc, chùa Trùng Sơn cổ tự trên núi Đá Chồng, chùa Trùng Khánh (TT. Khánh Hải) gần chân núi Đá Chồng, chùa Kim Sơn, chùa Thiên Tràng,....

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định về tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị đúng theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 được duyệt và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Triển khai quản lý quy hoạch thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Ninh Hải giai đoạn trung hạn 5 năm (2021 – 2025) và hằng năm.

3. Hằng năm, cuối kỳ giai đoạn cần tổ chức đánh giá việc thực hiện, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 đã được phê duyệt cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 12. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý việc thực hiện quy định này.

2. Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Ninh Hải phải thực hiện theo quy định này. Sở Kế hoạch và Đầu tư tích hợp Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 được duyệt vào Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong thời gian tới. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung quy định này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải chủ động rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khác với quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 đã được duyệt để đảm bảo đồng bộ về quy hoạch.

Điều 13. Quy định về khen thưởng, xử phạt hành chính

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Thanh tra xây dựng, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 14. Quy định về công bố thông tin

Quy định này được ấn hành và lưu giữ cùng với đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2040 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo.

- Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong huyện Ninh Hải.